

Bản án số: 363/2022/HC-PT
Ngày 23 tháng 8 năm 2022
V/v: *Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền

Ông Nguyễn Hải Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 148/2022/TLPT-HC ngày 16 tháng 4 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST, ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7229/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu F, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phùng Huy V, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà D, đường N, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu N, chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Văn T, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã C; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thu G, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu F, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phùng Huy V, sinh năm 1975; địa chỉ: Số

nhà D, đường N, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện, ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, Bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Trước năm 1990, bố mẹ ông H khai hoang khu đất tại đồi M, thuộc khu H, xã C. Năm 2001, Nhà nước thu hồi một phần đất để thi công đường 32C, mẹ ông H là bà Ngô Thị H1 đã được bồi thường về đất và tài sản trên đất. Diện tích còn lại khoảng 5100m², bố mẹ ông H cho ông H sử dụng trên đất có nhà ở, cây cối. Năm 2009, Nhà nước thu hồi để làm đường vào đền L, đã thu hồi của ông H 3669m², lập khái toán số tiền đền bù là 91.548.000 đồng, chỉ bồi thường về cây cối nên ông H không đồng ý. Sau nhiều lần ý kiến thì HDBT chỉ duyệt 20.093.200 đồng; ông H chưa được nhận số tiền trên và đã nhiều lần đề nghị trả tiền đất nhưng không được giải quyết. Diện tích còn lại ông H vẫn tiếp tục sử dụng, đến năm 2019 Nhà nước cưỡng chế thu hồi hết và vẫn không bồi thường về đất, vật kiến trúc và cây cối.

Ngày 18/11/2019, ông H có đơn khiếu nại Quyết định cưỡng chế số 12 ngày 15/11/2019 của UBND xã C và đề nghị xem xét lại việc thu hồi, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông H tại đồi Mui Rùa. Ông đã gửi đơn UBND xã C, UBND thành phố V nhưng không được giải quyết. Ngày 21/11/2019 đại diện UBND thành phố V, UBND xã C, UBND xã H đã làm việc với gia đình ông H, có biên bản ghi nhận ý kiến của gia đình: Đất của gia đình ông H bị thu hồi do bố mẹ khai hoang, giao lại cho ông H sử dụng, chứ không phải chiếm dụng của ai, gia đình đã hợp tác bàn giao đất cho Nhà nước thì Nhà nước phải đền bù, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Từ đó đến nay ông H đã có rất nhiều đơn gửi UBND tỉnh P, UBND tỉnh đã có Văn bản số 311 ngày 30/7/2020 nhưng ông H chỉ nhận được văn bản số 3385 ngày 20/11/2020 của UBND thành phố V trong văn bản này có nội dung: Yêu cầu UBND xã C báo cáo rõ nguồn gốc đất của ông H và gửi UBND thành phố V trước ngày 15/12/2020 nhưng UBND thành phố V đã không xử lý, giải quyết.

UBND tỉnh P đã có văn bản số 30 ngày 26/01/2021 chuyển đến UBND thành phố V để giải quyết (Yêu cầu giải quyết xong trước tháng 02/2021) Nhưng đến nay UBND thành phố V vẫn không thực hiện.

Do đó, ông H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố V chậm thực hiện việc kiểm kê, tính toán, phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Đền L - Khu D tại xã C, thành phố V đối với hộ ông Nguyễn Văn H và yêu cầu bồi thường khoản chậm trả theo quy định.

Người bị kiện trình bày:

+ Căn cứ để triển khai dự án: Quyết định số 3336/QĐ-UBND ngày 07/12/2005 về việc thu hồi và giao đất cho Khu di tích lịch sử Đền H3 quản lý để xây dựng công trình: Đền L - Khu D tại xã C, huyện L; Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 06/9/2006 của UBND tỉnh P về việc duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đền L, Khu di tích lịch sử Đền H (giai đoạn 1); Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 của UBND thành phố V về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình Tôn tạo cảnh quan ngã năm Đền G1. Đền L. Tuyến đường từ bãi đỗ xe số 2 đi Đền Q, Khu di tích lịch sử Đền Hùng thuộc xã H, xã C, xã V, thành phố V; Quyết định số 3641/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND thành phố V về việc thành lập tổ kiểm kê xác định mức độ thiệt hại về tài sản của các hộ dân phải di chuyển để xây dựng Đền L, Tôn tạo cảnh quan ngã năm Đền G1, Khu D thuộc xã H, xã C, xã V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

+ Căn cứ tính toán bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Luật Đất đai 2003; các Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006; số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ T3; các Quyết định số 3989/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 tỉnh Phú Thọ; số 3995/2009/QĐ-UBND ngày 20/11/2009; số 4209/QĐ-UBND ngày 01/12/2009; số 313/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của UBND tỉnh phú T1; Văn bản số 260/UBND-VX1 ngày 27/01/2010 của UBND tỉnh P; Thông báo số 40/TB-TC ngày 31/12/2008 của Sở tài chính tỉnh P; Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 08/01/2010 của UBND thành phố V.

+ Quá trình thực hiện kiểm đếm bồi thường: Ngày 02/12/2009, Tổ công tác lập biên bản kiểm kê xác định thiệt hại về đất, tài sản, cây cối hoa màu trong phạm vi chỉ giới thu hồi (BL 56); ngày 02/12/2009 chủ đầu tư tự lập khái toán bồi thường cho hộ ông Nguyễn Văn H 91.548.000 đồng (BL 57, 58); ngày 18/3/2010 UBND thành phố nhận được văn bản số 58/CV-ĐH của Khu di tích lịch sử Đền H3 về việc mời 02 lần nhưng 04 hộ gia đình ông T2, ông H, bà P và ông N1 không đồng ý phối hợp cùng tổ công tác tiến hành xác minh khối lượng, số lượng, kích thước cây cối tại thực địa (BL 59); ngày 22/3/2010, UBND thành phố V ban hành Văn bản số 476/UBND-GPMB về việc kiểm kê giải phóng mặt bằng công trình Đền L trong đó giao UBND xã C chủ trì, phối hợp cùng chủ dự án (Khu D), Ban Bồi thường GPMB Thành phố tiến hành kiểm tra, xác minh, lập biên bản tại thực địa làm căn cứ báo cáo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án (BL 77); ngày 24/3/2010, UBND xã C phối hợp với Khu di tích lịch sử Đền Hùng, Ban H3, Ban Bồi thường GPMB mời các hộ ông T2, ông H, ông N1, ông P ra thực địa để kiểm tra, xác minh phần tài sản cây cối hoa màu trên đất nhưng các hộ không có mặt. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra, xác minh tại thực tế những cây cối tài sản trên đất làm cơ sở báo cáo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án (Biên bản làm việc về việc thay thế biên bản kiểm kê “Các biên bản kiểm kê được xác

lập thay thế cho những biên bản đã kiểm kê của hộ ông N1 ngày 02/12/2009, ông H 02/12/2009, ông P 03/12/2009, ông T2 ngày 02/12/2009” (BL 76); ngày 13/4/2010, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 3523/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Xây dựng công trình Đền L - Khu D, tại xã C, thành phố V (Giai đoạn 2 đợt 3), gia đình ông H được duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ với số tiền 20.083.200 đồng (BL 81, 82); ngày 05/5/2010, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3862/QĐ-UBND về việc thay thế Quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 13/4/2010 của UBND Thành phố về việc thay thế Quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 13/4/2010 của UBND thành phố V (BL 83,84).

Ngày 25/9/2010 ông Nguyễn Văn H đã có đơn xin lĩnh tiền, cùng ngày ban bồi thường giải phóng mặt bằng Thành phố phối hợp với Ban quản lý dự án Đền H3 và chủ hộ ông Nguyễn Văn H đã lập biên bản giao nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng Đền L (giai đoạn 2) Khu D tại xã C, thành phố V với số tiền là 20.083.200 đồng tại Phiếu chi tiền số 278 ngày 25/9/2010 (BL 70,73).

Quan điểm của UBND thành phố V:

Tại thời điểm thực hiện dự án, Hội đồng Bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án đã thực hiện việc kiểm đếm, lập phương án bồi thường theo biên bản kiểm kê ngày 15/3/2010 thay thế cho biên bản kiểm kê ngày 02/12/2009 và trình UBND thành phố phê duyệt theo đúng quy định tại thời điểm đó và khái toán kinh phí do chủ dự án tự lập không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt do vậy không có cơ sở. Thực hiện theo Quyết định số 3862/QĐ-UBND ngày 05/5/2010 của UBND thành phố V về việc thay thế Quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 13/4/2010 của UBND thành phố V phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình: Đền L - Khu D, tại xã C, thành phố V (giai đoạn 2 đợt 3).

Chủ hộ đã nhận tiền theo đúng Quyết định số 3862/QĐ-UBND ngày 05/5/2010 của UBND thành phố V ban hành.

+ Nội dung khởi kiện UBND thành phố V chậm thực hiện việc kiểm kê, tính toán, phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Đền L - Khu D tại xã C, thành phố V đối với hộ ông Nguyễn Văn H2 và yêu cầu bồi thường khoản chậm trả, theo quy định là không có cơ sở.

+ UBND thành phố đã thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn H theo đúng trình tự quy định tại thời điểm đó. Giữ nguyên Quyết định đã được phê duyệt đối với hộ ông Nguyễn Văn H (BL 85, 86).

Người đại diện hợp pháp của UBND xã C trình bày:

Khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Đền L - Khu D tại xã C, thành phố V đối với hộ ông Nguyễn Văn H, UBND xã C đã phối hợp và xác minh:

+ Về nguồn gốc đất: Diện tích 3369,2m² thu hồi của ông H nằm trên thửa đất số 24, 25, tờ bản đồ 11, loại đất RTS, chủ sử dụng “lâm nghiệp” do UBND xã C

quản lý (chủ hộ không cung cấp được giấy tờ hợp pháp về việc sử dụng diện tích đất trên).

+ Về phối hợp kiểm kê vật kiến trúc, hoa màu và tài sản trên đất: UBND xã C phối hợp cùng tổ kiểm kê giúp việc của HĐBT, hỗ trợ và tái định cư của dự án để xác định thiệt hại cho chủ hộ nhằm lên phương án hỗ trợ, đền bù theo quy định, UBND xã cung cấp cho Tòa án sơ đồ đất tại khu vực đồi M (BL 47, 49).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 22/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 7; khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 101 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Xử:

+ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H (người đại diện theo ủy quyền ông Phùng Huy V) về yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố V chậm thực hiện việc kiểm kê, tính toán, phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Đền L - Khu D tại xã C, thành phố V.

+ Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với ông Nguyễn Văn H yêu cầu bồi thường khoản tiền chậm trả theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2021, người khởi kiện ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng đối tượng khởi kiện, ông khởi kiện hành vi hành chính của UBND thành phố V chậm giải quyết đơn, chậm thực hiện thủ tục kiểm kê, thu hồi, bồi thường nhưng chỉ kết luận UBND thành phố đã thực hiện việc kiểm kê, tính toán bồi thường diện tích 3.369,2m², không đề cập gì đến diện tích 2.063m² hiện vẫn còn cây cối có bị thu hồi không, nếu thu hồi thì thủ tục thu hồi, bồi thường như thế nào. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định UBND thành phố V chậm giải quyết đơn, chậm thực hiện thủ tục kiểm kê, quy chủ, tính toán bồi thường bổ sung; yêu cầu phải thực hiện công việc trên trong thời hạn quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Ông Phùng Huy V, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có kháng cáo trình bày: Ông H khởi kiện hành vi của UBND thành phố V không thực hiện kiểm đếm, tính toán, phê duyệt phương án đền bù là hành vi sau khi đã có đơn khiếu nại của gia đình ông H; không phải là hành vi trước khi có hỗ trợ

20.083.200 đồng cho ông H nên bản án sơ thẩm xác định sai đối tượng khởi kiện. Đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15//2021/HC-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H làm trong thời hạn được quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn có kháng cáo và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có kháng cáo; vắng mặt người bị kiện nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã C vắng mặt nhưng đại diện theo uỷ quyền đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Thu G vắng mặt nhưng đại diện theo uỷ quyền có mặt. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố V chậm thực hiện việc kiểm kê, tính toán, phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Đền L - Khu D tại xã C, thành phố V đối với gia đình ông và yêu cầu bồi thường khoản chậm trả thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 3, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.4]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/7/2020 và ngày 26/01/2021 Văn phòng UBND tỉnh P có Phiếu chuyển đơn đến Chủ tịch UBND thành phố V để kiểm tra việc tiếp nhận, xử lý đơn, giải quyết theo quy định đối với đơn của ông Nguyễn Văn H, khu F, xã H, TP V, tỉnh Phú Thọ có nội dung: Phản ánh việc ông có đơn và tài liệu gửi đến UBND thành phố V đề nghị xem xét, giải quyết về việc

thu hồi, bồi thường đất, tài sản trên đất của gia đình ông tại đồi M, đơn gửi từ ngày 17/6/2020 vẫn chưa nhận được văn bản giải quyết. Chủ tịch UBND tỉnh P yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố V báo cáo với Chủ tịch UBND tỉnh P trước ngày 20/8/2020 và trong tháng 02/2021 nhưng UBND thành phố V chưa có văn bản trả lời (BL 32, 36). Ngày 22/3/2021 ông H làm đơn khởi kiện. Bản án sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2021, ông Nguyễn Văn H yêu cầu: đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết yêu cầu UBND thành phố V thực hiện ngay việc kiểm kê, tính toán, phê duyệt phương án cho ông H; đồng thời tính bổ sung khoản chậm trả theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai (tính từ khi thu hồi đất đến ngày phê duyệt).

Tại đơn đề nghị đề ngày 18/5/2021, ông Phùng Huy V, người đại diện theo uỷ quyền của ông H xác nhận nội dung khởi kiện đối với UBND thành phố V là: hành vi chậm kiểm kê, tính toán, phê duyệt phương án bồi thường khi thu hồi đất Dự án vào đền L, yêu cầu bồi thường khoản chậm trả theo quy định (BL 38).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ ông Phùng Huy V, người đại diện theo uỷ quyền của ông H trả lời nội dung khởi kiện là: yêu cầu UBND thành phố V thực hiện việc kiểm kê, tính toán, phê duyệt phương án đền bù cho ông H (BL 45).

Tại Đơn kiến nghị gửi Chánh án Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ ngày 18/7/2021, ông Phùng Huy V xác định: chưa khởi kiện đòi bồi thường, hỗ trợ cụ thể bao nhiêu tiền, chỉ khởi kiện hành vi chậm tính toán, phê duyệt bồi thường; khởi kiện việc Chủ tịch UBND thành phố không giải quyết khiếu nại, không giải quyết trả lời đơn của công dân (BL 96, 97).

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là: hành vi chậm thực hiện việc kiểm kê, tính toán, phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Đền L - Khu D tại xã C, thành phố V đối với gia đình ông Nguyễn Văn H và yêu cầu bồi thường khoản chậm trả của UBND thành phố V.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Phùng Huy V, đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện có kháng cáo trình bày yêu cầu khởi kiện là hành vi của UBND thành phố V không thực hiện kiểm đếm, tính toán, phê duyệt phương án đền bù là hành vi sau khi đã có đơn khiếu nại của gia đình ông H; không phải là hành vi trước khi có hỗ trợ 20.083.200 đồng cho ông H là không phù hợp với yêu cầu khởi kiện mà người khởi kiện đã yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nguồn gốc diện tích đất thu hồi:

Diện tích 3369,2m² thu hồi của ông H nằm trên thửa đất số 24, 25, tờ bản đồ

11, loại đất RTS, thuộc đồi M, chủ sử dụng “Lâm nghiệp” do UBND xã C quản lý, được thể hiện ở sổ mục kê của xã C năm 1998 (BL 98). Ông H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh diện tích đất trên là của ông H.

Tại Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 1994 và Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 2004 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch khu vực Đền H3. Tại Quyết định số 552/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt một số khu vực quanh Đền H3 là khu cảnh quan thiên nhiên, trong đó có đồi Mui Rùa và UBND tỉnh P đã ban hành Quyết định thu hồi đất từ năm 2005 để xây dựng Đền L (BL 64).

Như vậy, diện tích đất thu hồi trên là đất Lâm nghiệp, nằm trong quy hoạch khu di tích Đền H3 từ những năm 1994; ông H đã tự ý trồng cây cối và năm 2010 ông H xây dựng trái phép các công trình có tính chất kiên cố thì bị lập biên bản cưỡng chế, buộc tháo dỡ (BL 27).

Mặc dù ông Nguyễn Văn H không được đền bù về đất theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 101 Luật Đất đai 2013 nhưng trên đất bị thu hồi có cây cối do ông H trồng nên khi Nhà nước thu hồi được xem xét, giải quyết bồi thường tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

- Về quá trình kiểm kê, tính toán, phê duyệt phương án bồi thường cho ông Nguyễn Văn H:

Để thực hiện dự án; ngày 14/9/2007 UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3641/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ kiểm kê xác định mức độ thiệt hại về tài sản của các hộ dân phải di chuyển để xây dựng Đền L ... (BL 60); ngày 02/12/2009, Tổ công tác đã lập biên bản kiểm kê xác định thiệt hại về đất, tài sản, cây cối hoa màu trong phạm vi chỉ giới thu hồi; ông H đã ký vào biên bản kiểm kê (BL 56).

Ngày 13/4/2010, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3523/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình Đền L - Khu D (Giai đoạn 2 đợt 3); trong đó, gia đình ông H được duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ với số tiền 20.083.200 đồng (BL 51, 52, 53, 80, 81, 82). Ngày 05/5/2010, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3862/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 3523/QĐ-UBND, nhưng số tiền bồi thường cây cối (trong diện tích 3.369,2m²) cho gia đình ông H vẫn không thay đổi (BL 83, 84).

Ngày 06/8/2010, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND thành phố V đã có Thông báo số 05/TB-HĐBT cho gia đình ông H nhận tiền và thực hiện việc chặt hạ cây cối, thu dọn tài sản để giải phóng mặt bằng 3.369,2m² đất để bàn giao mặt bằng cho Hội đồng bồi thường (BL 23) và ngày 25/9/2010, ông Nguyễn Văn H đã có đơn và đã nhận tiền tại Phiếu chi tiền số 278 ngày 25/9/2010 (BL 71, 72, 73, 74).

[3] Như vậy, các loại tài sản của ông Nguyễn Văn H trên đất Nhà nước thu hồi đã được kiểm kê, tính toán, phê duyệt và bồi thường đầy đủ, ông Nguyễn Văn H đã nhận tiền bồi thường nên yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H về hành

vi UBND thành phố V chậm thực hiện việc kiểm kê, tính toán, phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Đền L - Khu D tại xã C, thành phố V và yêu cầu bồi thường khoản chậm trả là không có cơ sở, bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ pháp luật

[4] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000024 ngày 18/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng